| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trương Quang Trung;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:*** Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2020/TLST - HN ngày 04 tháng 08 năm 2020 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST - HN ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*:

Chị Nguyễn Trà A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 16, khóm Vĩnh Đông, phường S, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Bị đơn*:

Anh Phạm Hữu B, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Tổ 03, khóm M, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Trà A và anh Phạm Hữu B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ*

*án, nguyên đơn chị Nguyễn Trà A trình bày:*

Chị (Nguyễn Trà A) và anh Phạm Hữu B quen biết nhau vào năm 2013; hôn nhân không có đăng ký kết hôn, không thường xuyên sống chung với nhau nhưng chị và anh B sanh 02 con chung tên: Phạm Hữu N, sinh ngày 16/4/2015 và Phạm Nguyễn Y, sinh ngày 04/4/2017 hiện do chị (Trà A) đang nuôi dạy, chị có yêu cầu nuôi dạy 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung - nợ chung: Chị A khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Hữu B trình bày:*

Anh (Nguyễn Hữu B) và Nguyễn Trà A quen biết nhau vào năm 2013, hôn nhân không có đăng ký kết hôn. Về con chung: Anh và chị A sanh được 02 con chung và hiện nay do A nuôi dạy tên: Phạm Hữu N, sinh ngày 16/4/2015 và Phạm Nguyễn Y, sinh ngày 04/4/2017.

Về tài sản chung - nợ chung: Anh B khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng anh đồng ý theo yêu cầu kiện của Trà A và giao hai con chung cho chị Trà A nuôi dạy, anh không cấp dưỡng nuôi con chung do Trà A không yêu cầu.

Tại phiên toà,

Hội đồng xét xử công bố:

Lời khai của chị Nguyễn Trà A và anh Phạm Hữu B.

Công văn trả lời của Ủy ban nhân dân phường S, thành phố X, tỉnh An Giang ngày 21/8/2020;

Kết quả xác minh do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố X, tỉnh An Giang ngày 11/8/2020 và ngày 21/8/2020;

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

***Việc tuân theo pháp luật tố tụng:***

** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

***** *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy

đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:*

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự thể hiện:*

Nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Trà A trình bày:

Vào năm 2013, bà A và ông B tự quen nhau và sống chung với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc và sinh được 02 con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 16/4/2015, Phạm Nguyễn Y, sinh ngày 04/4/2017. Sau đó, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà A yêu cầu:

Về hôn nhân: xin được ly hôn với ông B.

Về con chung: 02 người con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 16/4/2015, Phạm Nguyễn Y, sinh ngày 04/4/2017. Xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Hữu B: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, không có đăng ký kết hôn, con chung cũng như mâu thuẫn, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A.

Về con chung: Ông đồng ý giao 02 con chung cho bà A nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Do bận việc gia đình nên bà A, ông B có đơn yêu cầu vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi cư trú của bà A và ông B thể hiện bà A và ông B chưa đăng ký kết hôn.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện:

Năm 2013, bà A và ông B tự tìm hiểu chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị không công nhận bà A và ông B là vợ chồng.

*Về con chung*:

Cả hai thống nhất giao 02 con chung cho bà A nuôi dạy, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, công nhận sự tự nguyện của bà A về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

*Tài sản chung, nợ chung*:

Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên căn cứ vào các Điều 14, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận bà A và ông B là vợ chồng, giao 02 con chung cho bà A nuôi dạy, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Về tố tụng:*

Chị Nguyễn Trà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hữu B. Đồng thời, anh B cư trú trên địa bàn thành phố X. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[1].Về vắng mặt của đương sự:*

Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

*Về nội dung:*

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Trà A và anh B khai thống nhau là cả hai quen biết vào năm 2013, hôn nhân không có đăng ký kết hôn.

Chứng cứ chị A đưa ra để yêu cầu ly hôn anh B là cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tình cảm không còn và không thể hàn gắn, chị A kiện xin ly hôn anh B.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang và được Ủy ban nhân dân phường T và Ủy ban nhân dân phường S, thành phố X, tỉnh An Giang cung cấp:

Qua rà soát sổ lưu trữ thì chị Nguyễn Trà A và anh Phạm Hữu B không làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định, chị A và anh B chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*[3] Về con chung*:

Chị Trà A và anh B khai thống nhất nhau là sanh được 02 con chung tên: Phạm Hữu N, sinh ngày 16/4/2015 và Phạm Nguyễn Y, sinh ngày 04/4/2017 hiện do chị A đang nuôi dạy, anh B thống nhất giao 02 con chung cho chị A nuôi dạy, nên chấp nhận và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị A không yêu cầu.

*[4]Về tài sản chung - nợ chung:*

Chị A và anh B thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến giải quyết.

*[5] Về án phí:*

Chị Nguyễn Trà A phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị A đã nộp.

Anh Phạm Hữu B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào các Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

1. *[Về quan hệ hôn nhân]*:

Không công nhận chị Nguyễn Trà A và anh Phạm Hữu B là vợ chồng.

2. *[Về con chung]*:

Chị Nguyễn Trà A tiếp tục nuôi dạy con chung: Phạm Hữu N, sinh ngày 16/4/2015 và Phạm Nguyễn Y, sinh ngày 04/4/2017, anh Phạm Hữu B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Trà A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phạm Hữu B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *[Về án phí sơ thẩm]*:

Chị Nguyễn Trà A phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0003970 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Anh Phạm Hữu B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. *[Về quyền kháng cáo]*:

Chị Nguyễn Trà A và anh Phạm Hữu B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kiều Nga**

***Nơi nhận:***
- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).